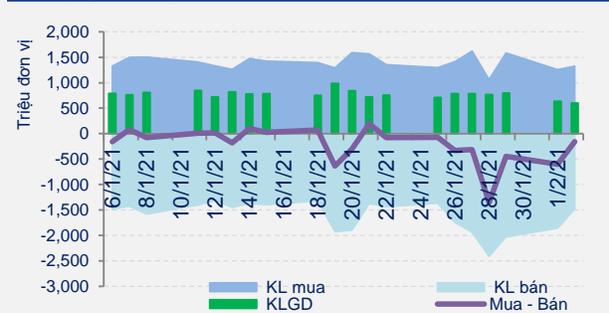


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/2/2021

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,075.53 | 215.36 |
| % Thay đổi | ↑ 3.86% | ↑ 3.12% |
| KLGD (CP) | 602,615,811 | 110,003,884 |
| GTGD (tỷ đồng) | 13,160.47 | 1,503.98 |
| Tổng cung (CP) | 1,483,252,700 | 136,354,200 |
| Tổng cầu (CP) | 1,324,903,200 | 161,791,700 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 51,388,590 | 1,815,029 |
| KL mua (CP) | 50,521,900 | 1,057,092 |
| GTmua (tỷ đồng) | 1,819.32 | 16.71 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,713.83 | 23.75 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 105.49 | (7.05) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 2.90% | 13.9 | 2.3 | 2.1% |
| Công nghiệp | ↑ 1.42% | 16.2 | 2.5 | 10.2% |
| Dầu khí | ↑ 3.07% | - | 1.8 | 3.6% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 2.50% | - | 4.2 | 3.1% |
| Dược phẩm và Y tế | ↓ -0.55% | 13.7 | 2.3 | 0.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 2.84% | 17.0 | 4.3 | 10.9% |
| Ngân hàng | ↑ 4.67% | 9.7 | 2.0 | 21.7% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 3.58% | 15.0 | 2.0 | 16.6% |
| Tài chính | ↑ 4.72% | 17.6 | 2.9 | 29.3% |
| Tiền ích Cộng đồng | ↑ 1.59% | 13.9 | 2.1 | 2.2% |
| VN - Index | ↑ 3.86% | 16.0 | 2.7 | |
| HNX - Index | ↑ 3.12% | 13.7 | 3.5 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục mạnh trong phiên hôm nay và hiện tại chỉ số đã vượt qua được ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3). Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 40,02 điểm (+3,86%) lên 1.075,53 điểm; HNX-Index tăng 6,51 điểm (+3,12%) lên 215,36 điểm. Thanh khoản trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 14.664 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 713 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.621 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 470 mã tăng, 86 mã tham chiếu, 229 mã giảm. Thị trường giảm điểm vào đầu phiên giao dịch, nhưng lực cầu xuất hiện ngay sau đó đã giúp chỉ số VN-Index lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần về cuối phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Các cổ phiếu vốn hóa lớn đều tăng mạnh trong phiên hôm nay. Theo đó 10 mã Large Cap đóng góp tới gần 30 điểm tăng cho chỉ số. Toàn bộ rổ VN30 đều tăng điểm trong phiên hôm nay. Trong đó, VIC (+7%), VHM (+69%), VPB (+6,9%), SBT (+6,8%) kết phiên trong sắc tím. Chiều giảm chủ yếu là các mã vốn hóa vừa và nhỏ, song không ít mã giảm sàn. Họ FLC diễn biến tích cực với sắc xanh và tím chủ đạo. Tuy vậy, ROS (-7%) lại giảm sàn với lượng dư bán "khủng" gần 60 triệu cp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index hồi phục mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh, giá tăng chủ yếu do hoạt động tiết cung của nhà đầu tư. Trên góc nhìn kỹ thuật, hiện tại đang là sóng tăng 5 cuối của chu kỳ tăng giá sau khi xác lập đáy sóng 4 quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm trong phiên 29/1 nên xác suất thị trường tăng điểm trong phiên tiếp theo được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, áp lực bán trong phiên tới sẽ gia tăng do lượng hàng bắt đáy trong phiên 29/1 về tài khoản khiến thị trường rung lắc. Thanh khoản thị trường sẽ tiếp tục duy trì dưới mức trung bình 20 phiên và có xu hướng giảm dần khi kỳ nghỉ Tết đang gần kề giúp hệ thống giao dịch trên HOSE trở nên trơn tru. Những nhà đầu tư đã bắt đáy một phần tỷ trọng danh mục quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) trong phiên 28/1 và quanh ngưỡng tâm lý 1.000 điểm trong phiên 29/1 có thể tận dụng những nhịp tăng trong phiên tới để chốt lời ngắn hạn. Đối với tầm nhìn trung hạn, nhà đầu tư có thể tiếp tục giữ lại cổ phiếu với kỳ vọng sóng 5 sẽ vượt đỉnh 1.200 điểm. Giao dịch sử dụng margin không được khuyến nghị tại thời điểm này.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/2/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.029,36 điểm. Từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu gia tăng mạnh giúp chỉ số quay trở lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần về cuối phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 40,02 điểm (+3,86%) lên 1.075,53 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 6.900 đồng, VHM tăng 6.100 đồng, VCB tăng 5.400 đồng. Ở chiều ngược lại, ITA giảm 410 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 215,599 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,51 điểm (+3,12%) lên 215,36 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 1.200 đồng, THD tăng 3.000 đồng, SHS tăng 1.600 đồng. Ở chiều ngược lại, HTP giảm 1.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 105,69 tỷ đồng. HPG mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 152,2 tỷ đồng tương ứng với 386 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 120,3 tỷ đồng tương ứng với 114 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 53,8 tỷ đồng tương ứng với 179 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 7,21 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 758 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 2,1 tỷ đồng tương ứng với 97 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 121 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,6 tỷ đồng tương ứng với 21 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Thu ngân sách tháng đầu năm 2021 của TP. HCM đạt 135% mức phải thu, với 40.000 tỷ đồng

Theo đại diện UBND TP. HCM, mỗi ngày làm việc, tính ra thành phố thu ngân sách đạt 2.000 tỷ đồng, đạt 135% mức phải thu. Trước đó, Chính phủ giao chỉ tiêu thu ngân sách TP. HCM gần 365.000 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục mạnh trong phiên hôm nay và chỉ số hiện kết phiên trên ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) nhưng vẫn dưới vùng kháng cự trong khoảng 1.085-1.090 điểm (MA50), thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, đà tăng chủ yếu do nhà đầu tư tiết cung.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật hiện tại vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với việc sóng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng 1) và hiện tại đang là sóng điều chỉnh 4 với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 đã sâu hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng 5 tăng sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì thị trường vẫn có khả năng sẽ vượt đỉnh lịch sử trong năm 2021 với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm.

Với tâm lý nghỉ Tết sớm như hiện tại thì thị trường có thể diễn ra với mức thanh khoản thấp hơn trung bình 20 phiên. Nhưng về xu hướng thì vẫn thuộc sóng 5 nên khả năng hồi phục trong phiên tới được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, lực bán trong phiên tiếp theo sẽ mạnh hơn do hàng bắt đáy trong phiên 29/1 về tài khoản.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3), Kháng cự gần nhất trong khoảng 1.085-1.090 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

| | |
|-------------------------------------|--|
| Giá vàng trong nước giảm | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết cho khu vực Hà Nội ở mức: 56,35 - 56,85 triệu đồng/lượng, giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm tăng 1 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 2/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.152 VND/USD, tăng 1 đồng so với hôm qua. |

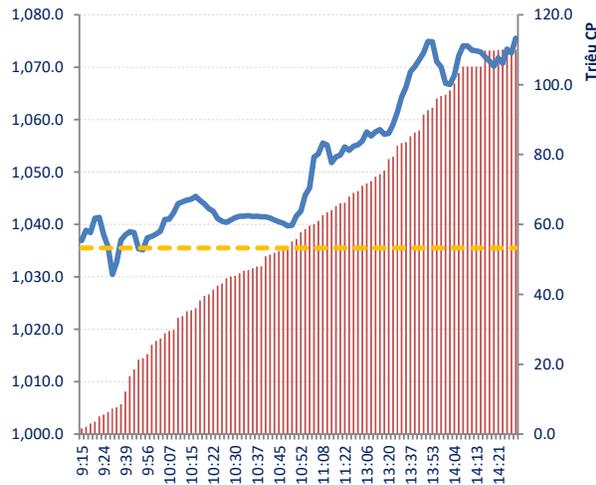
TIN QUỐC TẾ

| | |
|----------------------------------|--|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 11,65 USD/ounce tương ứng với 0,63% xuống 1.852,35 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,107 điểm tương ứng 0,12% xuống 90,907 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2067 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3692 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 104,92 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,78 USD/thùng tương ứng với 1,76% lên 54,34 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/2, chỉ số Dow Jones tăng 229,29 điểm tương ứng 0,76% lên 30.211,91 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 332,7 điểm tương ứng 2,55% lên 13.403,39 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 59,62 điểm tương ứng 1,61% lên 3.773,86 điểm. |

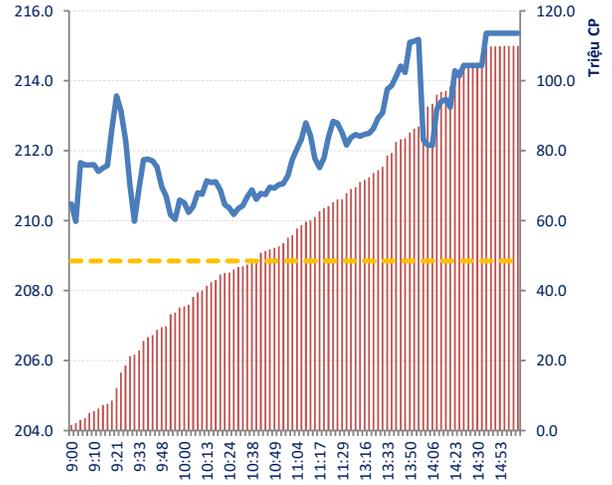


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

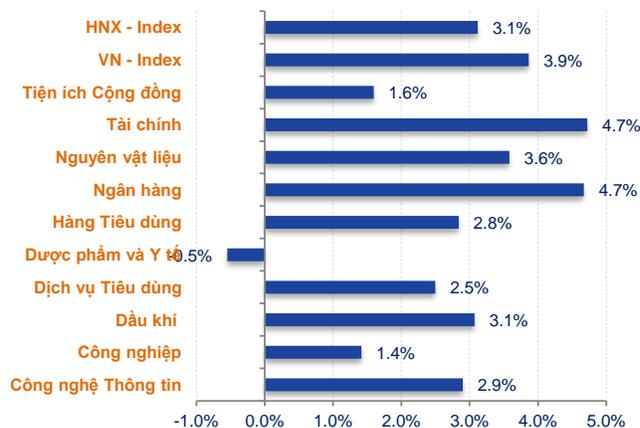
KLGD và VN-Index trong phiên



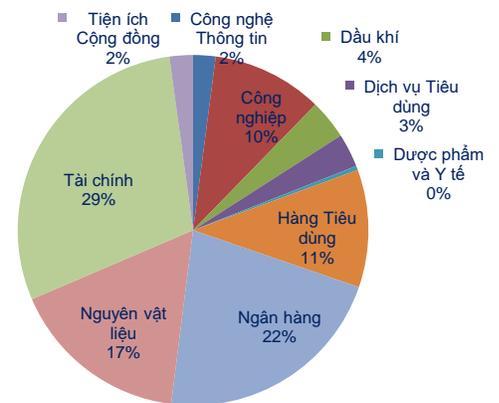
KLGD và HNX-Index trong phiên



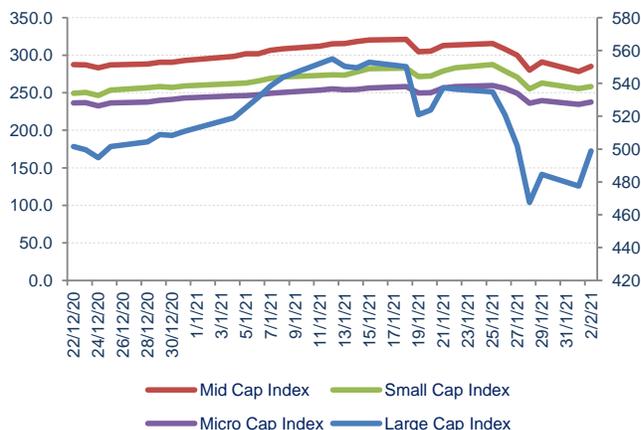
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



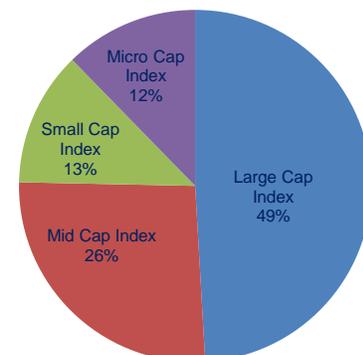
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HPG | 3,863,900 | POW | 2,413,900 |
| 2 | KBC | 2,631,800 | HSG | 2,008,000 |
| 3 | HQC | 1,156,800 | VRE | 1,785,500 |
| 4 | VNM | 1,140,900 | GEX | 1,283,900 |
| 5 | VHM | 1,052,400 | KDH | 1,073,100 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | VIG | 34,900 | ART | 381,600 |
| 2 | TNG | 34,600 | PVS | 120,601 |
| 3 | VCS | 21,386 | SHS | 97,000 |
| 4 | PVG | 20,600 | BVS | 79,000 |
| 5 | CEO | 10,200 | TAR | 47,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 38.35 | 40.50 | ↑ 5.61% | 30,001,700 |
| FLC | 5.76 | 6.16 | ↑ 6.94% | 26,862,300 |
| STB | 16.10 | 17.15 | ↑ 6.52% | 21,168,900 |
| ITA | 5.98 | 5.57 | ↓ -6.86% | 19,970,200 |
| VDS | 10.45 | 10.20 | ↓ -2.39% | 15,898,417 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| SHB | 13.50 | 14.70 | ↑ 8.89% | 31,975,609 |
| PVS | 15.60 | 16.40 | ↑ 5.13% | 11,309,146 |
| HUT | 4.30 | 4.40 | ↑ 2.33% | 7,538,355 |
| ART | 4.30 | 4.60 | ↑ 6.98% | 5,283,110 |
| SHS | 21.10 | 22.70 | ↑ 7.58% | 4,733,443 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| KBC | 34.30 | 36.70 | 2.40 | ↑ 7.00% |
| VIC | 99.00 | 105.90 | 6.90 | ↑ 6.97% |
| PGD | 28.00 | 29.95 | 1.95 | ↑ 6.96% |
| TPC | 9.34 | 9.99 | 0.65 | ↑ 6.96% |
| TTB | 5.18 | 5.54 | 0.36 | ↑ 6.95% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| V21 | 5.00 | 5.50 | 0.50 | ↑ 10.00% |
| SCI | 47.30 | 52.00 | 4.70 | ↑ 9.94% |
| L40 | 24.20 | 26.60 | 2.40 | ↑ 9.92% |
| SLS | 81.80 | 89.80 | 8.00 | ↑ 9.78% |
| API | 15.40 | 16.90 | 1.50 | ↑ 9.74% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| TCR | 3.86 | 3.59 | -0.27 | ↓ -6.99% |
| LSS | 9.30 | 8.65 | -0.65 | ↓ -6.99% |
| TTF | 4.60 | 4.28 | -0.32 | ↓ -6.96% |
| ROS | 4.17 | 3.88 | -0.29 | ↓ -6.95% |
| PXS | 6.05 | 5.63 | -0.42 | ↓ -6.94% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| CAG | 18.00 | 16.20 | -1.80 | ↓ -10.00% |
| NGC | 3.00 | 2.70 | -0.30 | ↓ -10.00% |
| MED | 46.40 | 41.80 | -4.60 | ↓ -9.91% |
| GMA | 41.40 | 37.30 | -4.10 | ↓ -9.90% |
| SDG | 43.80 | 39.50 | -4.30 | ↓ -9.82% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|-------|-----|
| HPG | 30,001,700 | 25.1% | 4,056 | 10.0 | 2.3 |
| FLC | 26,862,300 | 3250.0% | 38 | 160.5 | 0.3 |
| STB | 21,168,900 | 9.6% | 1,487 | 11.5 | 1.1 |
| ITA | 19,970,200 | 1.6% | 185 | 30.0 | 0.5 |
| VDS | 15,898,417 | 13.6% | 1,500 | 6.8 | 0.9 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHB | 31,975,609 | 12.7% | 1,620 | 9.1 | 1.1 |
| PVS | 11,309,146 | 5.0% | 1,357 | 12.1 | 0.6 |
| HUT | 7,538,355 | -1.7% | (205) | - | 0.4 |
| ART | 5,283,110 | 0.1% | 16 | 284.1 | 0.4 |
| SHS | 4,733,443 | 25.5% | 3,639 | 6.2 | 1.5 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| KBC | ↑ 7.0% | 2.0% | 439 | 83.5 | 1.6 |
| VIC | ↑ 7.0% | 4.0% | 1,488 | 71.2 | 2.6 |
| PGD | ↑ 7.0% | 15.1% | 2,255 | 13.3 | 2.0 |
| TPC | ↑ 7.0% | 6.7% | 1,025 | 9.7 | 0.7 |
| TTB | ↑ 6.9% | 0.8% | 81 | 68.7 | 0.5 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|-------|-----|
| V21 | ↑ 10.0% | 0.3% | 31 | 177.3 | 0.6 |
| SCI | ↑ 9.9% | 63.9% | 14,346 | 3.6 | 3.4 |
| L40 | ↑ 9.9% | 13.2% | 2,426 | 11.0 | 1.4 |
| SLS | ↑ 9.8% | 22.4% | 12,290 | 7.3 | 1.5 |
| API | ↑ 9.7% | 16.8% | 2,447 | 6.9 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 3,863,900 | 25.1% | 4,056 | 10.0 | 2.3 |
| KBC | 2,631,800 | 2.0% | 439 | 83.5 | 1.6 |
| HQC | 1,156,800 | 0.4% | 39 | 52.9 | 0.2 |
| VNM | 1,140,900 | 35.0% | 5,313 | 20.0 | 6.6 |
| VHM | 1,052,400 | 36.1% | 8,463 | 11.2 | 3.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| VIG | 34,900 | -2.0% | (113) | - | 0.7 |
| TNG | 34,600 | 13.8% | 2,122 | 8.2 | 1.1 |
| VCS | 21,386 | 39.1% | 9,110 | 8.2 | 3.1 |
| PVG | 20,600 | 0.1% | 14 | 628.2 | 0.7 |
| CEO | 10,200 | -1.9% | (261) | - | 0.7 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 358,199 | 4.0% | 1,488 | 71.2 | 2.6 |
| VCB | 357,907 | 20.5% | 4,974 | 19.4 | 3.6 |
| VHM | 310,530 | 36.1% | 8,463 | 11.2 | 3.5 |
| VNM | 222,371 | 35.0% | 5,313 | 20.0 | 6.6 |
| BID | 158,266 | 9.1% | 1,775 | 22.2 | 2.0 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 57,400 | 61.7% | 14,080 | 11.6 | 10.8 |
| SHB | 25,803 | 12.7% | 1,620 | 9.1 | 1.1 |
| VCS | 11,952 | 39.1% | 9,110 | 8.2 | 3.1 |
| IDC | 10,920 | 7.1% | 1,010 | 36.1 | 2.5 |
| DTK | 8,296 | 6.9% | 746 | 16.4 | 1.1 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| HRC | 3.00 | 1.7% | 297 | 198.8 | 3.3 |
| DRH | 2.76 | 5.8% | 792 | 10.6 | 0.6 |
| PXS | 2.62 | 0.8% | 45 | 123.9 | 1.0 |
| DTA | 2.51 | -2.0% | (208) | - | 0.6 |
| MHC | 2.51 | -0.8% | (88) | - | 0.5 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|--------|-------|------|
| LUT | 3.67 | 0.0% | 5 | 878.6 | 0.4 |
| THD | 2.93 | 61.7% | 14,080 | 11.6 | 10.8 |
| ACM | 2.68 | 0.0% | 2 | 638.2 | 0.2 |
| VIG | 2.63 | -2.0% | (113) | - | 0.7 |
| WSS | 2.52 | 2.0% | 206 | 20.4 | 0.4 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
